

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI MITRACO**

**Địa chỉ: Xã Thạch Vĩnh - Huyện Thạch Hà - Tỉnh Hà Tĩnh**

**Điện thoại: 0393 478 456 - Fax: 0393 648 147**

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CỦA**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI MITRACO**

*Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015*

*kèm theo*

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**



---

Được kiểm toán bởi:

**Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội**

**Số 3 Ngõ 1295 Đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội**

**Điện thoại: (04) 974 5081/82 Fax: (04) 974 5083**

*Hà Nội, tháng 11 năm 2016*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI MITRACO

Địa chỉ: Thạch Vĩnh, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 0393 478 456 Fax: 0393 648 147

---

## Mục lục

Nội dung	Trang số
Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	2-3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4-5
Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015	6-7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2015	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2015	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2015	10-33
Phụ lục số 01	34

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

### **1. Giới thiệu về Công ty Cổ phần chăn nuôi Mitraco**

Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco (gọi tắt là "Công ty") là Công ty con thuộc Tổng Công ty khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh được thành lập theo Quyết định số 1751/QĐ-UBND ngày 16/06/2009 của ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3001065982, đăng ký lần đầu ngày 07/10/2009 và thay đổi đăng ký lần 2 ngày 07/11/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp. Theo đó:

Vốn điều lệ của Công ty là: 35.000.000.000 VND

(Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ đồng chẵn).

Trong đó:

<b>Tên cổ đông sáng lập</b>	<b>Vốn góp (Đồng)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
Tổng công ty khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh - CTCP	20.510.000.000	58,6
Công ty Mua bán nợ Việt Nam	12.600.000.000	36
Các cổ đông khác	1.890.000.000	5,4
<b>Cộng</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng.

Công ty có trụ sở tại: Vĩnh Cát, Xã Thạch Vĩnh, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh

#### **Lĩnh vực hoạt động và ngành nghề kinh doanh của Công ty:**

- Chăn nuôi lợn siêu nạc;
- Sản xuất, kinh doanh lợn thương phẩm, lợn giống các cấp;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị chăn nuôi, thiết bị nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi, các sản phẩm nông nghiệp;
- Nuôi và chế biến thủy sản, gia súc gia cầm, trồng cây và trồng cây rừng;
- Tư vấn và chuyển giao công nghệ Chăn nuôi.

#### **Hội đồng quản trị, ban giám đốc và ban kiểm soát**

##### **A Hội đồng quản trị:**

- |                         |               |
|-------------------------|---------------|
| 1 Ông Bùi Văn Minh      | Chủ tịch HĐQT |
| 2 Ông Nguyễn Văn Nguyên | Thành Viên    |
| 3 Ông Phan Thanh Nam    | Thành Viên    |

##### **B Ban giám đốc**

- |                       |                   |
|-----------------------|-------------------|
| 1 Ông Lê Văn Nhị      | Giám đốc          |
| 2 Ông Nguyễn Đình Sơn | Phó Giám đốc      |
| 3 Ông Phan Thanh Nam  | Phó Giám đốc      |
| 4 Ông Nguyễn Văn Hòa  | Phụ trách kế toán |

### C Ban kiểm soát

- |                       |                      |
|-----------------------|----------------------|
| 1 Ông Nguyễn Hải Đông | Trưởng Ban Kiểm soát |
| 2 Ông Phùng Văn Tân   | Thành viên           |
| 3 Ông Nguyễn Đình Lục | Thành viên           |

### 2. Kiểm toán viên độc lập

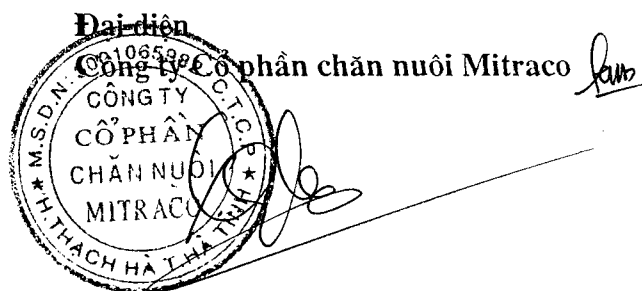
Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI)

### 3. Tại Báo cáo này Ban Giám đốc xin khẳng định những vấn đề sau đây

- Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2015 đã phản ánh trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày;
- Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong Thuyết minh Báo cáo tài chính; phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và quy định pháp lý có liên quan;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, có phát sinh tăng vốn điều lệ của Doanh nghiệp từ 35 tỷ lên 40 tỷ, nên tỷ lệ nắm giữ cổ phần của các cổ đông chiến lược cũng thay đổi, đã ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.

### 4. Các thông tin khác liên quan

Ngoài các sự kiện đã nêu trên và trình bày trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



Giám đốc

Lê Văn Nhi

Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 10 năm 2016



# CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82

Fax: (84) 4 3974 5083

Email: cpahanoi@fpt.vn

Website: www.cpahanoi.com

# AicA

Số: 122/2016/CPA HANOI - BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015  
của Công ty cổ phần Chăn nuôi Mitraco*

**Kính gửi:**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI MITRACO**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty cổ phần Chăn nuôi Mitraco được lập ngày 24/10/2016 bao gồm Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính như đã trình bày từ trang 06 đến trang 33 kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về số liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Chăn nuôi Mitraco tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán này được phát hành để thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 22/2016/CPA HANOI - BCKT ngày 23 tháng 03 năm 2016. Các số liệu có sự chênh lệch đã được giải thích trong phụ lục số 01 kèm theo.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 05 bản tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty cổ phần Chăn nuôi Mitraco giữ 04 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Ngọc Tinh**

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán Số 0132-2013-016-1

Hà Nội ngày 22 tháng 11 năm 2016

**Kiểm toán viên**

**Đặng Ngọc Phần**

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán Số 2459-2013-016-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI MITRACO**

Địa chỉ: Xã Thạch Vĩnh - Huyện Thạch Hà - Tỉnh Hà Tĩnh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>60.311.384.164</b>	<b>57.386.939.825</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>6.176.449.759</b>	<b>3.107.565.330</b>
1. Tiền	111		6.176.449.759	3.107.565.330
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>4.200.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.200.000.000	6.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.889.477.229</b>	<b>19.489.294.599</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>V.3</b>	445.239.612	740.405.900
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>V.4</b>	4.794.257.079	18.077.373.553
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>V.5</b>	1.098.654.530	935.189.492
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(448.673.992)	(263.674.346)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>43.579.541.758</b>	<b>28.648.273.954</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>V.8</b>	43.579.541.758	28.648.273.954
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>465.915.418</b>	<b>141.805.942</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>V.11</b>	465.915.418	141.805.942
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>77.652.898.184</b>	<b>48.826.106.435</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.851.332.643</b>	<b>3.901.582.643</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	<b>V.6</b>	3.851.332.643	3.901.582.643
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>48.593.358.058</b>	<b>11.199.612.762</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>V.10</b>	48.593.358.058	11.199.612.762
- Nguyên giá	222		62.505.211.933	21.703.440.880
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(13.911.853.875)	(10.503.828.118)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>409.221.001</b>	<b>19.650.599.332</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	<b>V.9</b>	409.221.001	19.650.599.332
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>24.798.986.482</b>	<b>14.074.311.698</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>V.11</b>	24.798.986.482	14.074.311.698
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>137.964.282.348</b>	<b>106.213.046.260</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>81.366.464.537</b>	<b>54.346.480.901</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>41.352.250.917</b>	<b>23.890.130.870</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	11.319.960.731	8.901.785.202
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	6.936.843.995	1.558.929.092
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.14	301.095.341	278.196.818
4. Phải trả người lao động	314		3.257.302.363	1.672.803.143
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	4.035.835.684	3.300.978.257
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	15.180.000.000	8.000.000.000
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		321.212.803	177.438.358
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>40.014.213.620</b>	<b>30.456.350.031</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	40.014.213.620	30.456.350.031
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>56.597.817.811</b>	<b>51.866.565.359</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>56.597.817.811</b>	<b>51.866.565.359</b>
1. Vốn góp chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		35.000.000.000	35.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411B			
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	3.152.087.646
3. Quỹ đầu tư phát triển	419		9.048.822.914	3.359.628.812
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421		12.548.994.897	10.354.848.901
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		-	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B		12.548.994.897	10.354.848.901
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>137.964.282.348</b>	<b>106.213.046.260</b>

Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 10 năm 2016

Phụ trách kế toán



Nguyễn Văn Hòa

P.GĐ tài chính



Phan Thanh Nam

Giám đốc



Lê Văn Nhị



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	244.287.773.420	216.337.852.700
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.2	616.450.000	306.908.500
+ Chiết khấu thương mại			616.450.000	306.908.500
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.3	243.671.323.420	216.030.944.200
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	220.918.633.807	197.801.717.573
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		22.752.689.613	18.229.226.627
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	256.165.328	260.430.858
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	2.115.112.215	426.092.784
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.104.765.879	426.092.784
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8	1.344.218.048	1.022.007.207
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	7.149.426.792	5.955.294.557
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.400.097.886	11.086.262.937
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.604.621.611	507.236.316
12. Chi phí khác	32		-	
13. Lợi nhuận khác	40		1.604.621.611	507.236.316
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.004.719.497	11.593.499.253
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	1.455.724.600	1.238.650.352
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.548.994.897	10.354.848.901
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		3.585	2.959
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

Phụ trách kế toán

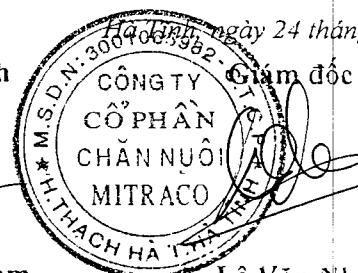


Nguyễn Văn Hòa

P.ĐD tài chính



Phan Thanh Nam



Lê Văn Nhị

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	250.337.463.385	215.209.139.300
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	2	(216.852.210.902)	(203.836.552.947)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(12.427.865.000)	(5.112.983.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(3.948.989.587)	(684.567.479)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(1.443.983.139)	(1.471.520.050)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	4.408.214.282	3.445.976.213
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(18.078.857.499)	(4.932.305.314)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.993.771.540</b>	<b>2.617.186.723</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(11.382.704.846)	(30.076.081.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	613.538.818	666.952.557
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.200.000.000)	(12.000.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	7.050.250.000	13.266.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	256.165.328	125.194.858
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(8.662.750.700)</b>	<b>(28.017.933.585)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền thu từ đi vay	33	45.797.863.589	61.156.350.031
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(29.060.000.000)	(26.100.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.000.000.000)	(7.129.200.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>9.737.863.589</b>	<b>27.927.150.031</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>3.068.884.429</b>	<b>2.526.403.169</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>3.107.565.330</b>	<b>581.162.161</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		0
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>6.176.449.759</b>	<b>3.107.565.330</b>

Phụ trách kế toán

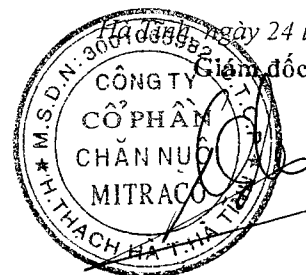


Nguyễn Văn Hòa

P.GĐ tài chính



Phan Thanh Nam



Lê Văn Nhị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2015**

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco (gọi tắt là "Công ty") là Công ty con thuộc Tổng Công ty khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh được thành lập theo Quyết định số 1751/QĐ-UBND ngày 16/06/2009 của ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3001065982, đăng ký lần đầu ngày 07/10/2009 và thay đổi đăng ký lần 2 ngày 07/11/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp. Theo đó:

Vốn điều lệ của Công ty là: 35.000.000.000 VND

(*Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ đồng chẵn*).

Trong đó:

Tên cổ đông sáng lập	Vốn góp (Đồng)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh- CTCP	20.510.000.000	58,60
Công ty TNHH Mua Bán Nợ Việt Nam	12.600.000.000	36,00
Các cổ đông khác	1.890.000.000	5,40
<b>Cộng</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>100</b>

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng.

Công ty có trụ sở tại: Vĩnh Cát, Xã Thạch Vĩnh, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh

**2. Lĩnh vực hoạt động và ngành nghề kinh doanh của Công ty:**

- Chăn nuôi lợn siêu nạc;
- Sản xuất, kinh doanh lợn thương phẩm, lợn giống các cấp;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị chăn nuôi, thiết bị nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi, các sản phẩm nông nghiệp;
- Nuôi và chế biến thủy sản, gia súc gia cầm, trồng cây và trồng cây rừng;
- Tư vấn và chuyển giao công nghệ Chăn nuôi.

**II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

1. Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (Đồng).

**III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng**

**1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán danh nghiệp.

**2. Tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:**

Công ty tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

**3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung trên phần mềm kế toán.**

**IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền****1.1. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị của các khoản này.

- + Tất cả nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ đều được qui đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ được phản ánh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- + Tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

**2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho****2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:**

- \* Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

*Những chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho:*

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

**2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:  $Giá\ trị\ hàng\ tồn\ kho\ cuối\ kỳ = Giá\ trị\ hàng\ tồn\ kho\ đầu\ kỳ + Giá\ trị\ hàng\ nhập\ trong\ kỳ - Giá\ trị\ hàng\ xuất\ trong\ kỳ.$  (Phương pháp tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền).****2.3. Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.****2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất do giá vật tư hàng hóa tồn kho bị giảm tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm căn cứ theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ tài chính.

**3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ****3.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình và thuê tài chính**

- Tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình hoạt động tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

**3.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại thông tư 45/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc thiết bị	8 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 8 năm

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư

Công ty không phát sinh Bất động sản đầu tư.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

##### 5.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn: Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trung dương tiền".

Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn.

Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

##### 5.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn: Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

##### 5.3 Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn: Không phát sinh.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được áp dụng theo hướng dẫn tại thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ tài chính.

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo chuẩn mực Kế toán số 16 về chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh vốn hóa.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

#### 7 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác.

\* Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

\* Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

**8. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm:**

**8.1** Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**8.2** Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

**9. Nguồn vốn chủ sở hữu:**

- Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế được cấp hoặc từ các chủ sở hữu góp vốn.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.
- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

**10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

**10.1** Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**10.2** Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bán cổ phiếu đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là tổng chi phí tài chính không được vốn hóa phát sinh và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Không bù trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

### 13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

#### 13.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- \* Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm ( hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- \* Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm ( hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn;
- \* Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

#### 13.2 Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- \* Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- \* Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

#### 13.3 Các nghĩa vụ về thuế:

- \* Thuế giá trị gia tăng: Công ty hàng tháng có lập tờ khai thuế đầu vào và thuế đầu ra theo quy định. Khi kết thúc năm tài chính lập các Báo cáo thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.
- \* Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định. Công ty đang được hưởng ưu đãi thuế với mức thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động với ngành nghề chăn nuôi ở địa bàn kinh tế khó khăn theo khoản 3 điều 19 thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014.
- \* Các loại thuế khác thực hiện theo quy định hiện hành.

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán (ĐVT: Đồng)

1. Tiền	Cuối năm	Đầu năm
- Tiền mặt	150.963.000	202.080.000
- Tiền gửi Ngân hàng	6.025.486.759	2.905.485.330
+ Tiền gửi Việt Nam đồng	6.025.486.759	2.905.485.330
Ngân hàng Ngoại thương	5.137.584.231	1.345.749.887
Ngân hàng Đầu tư	887.902.528	1.559.735.443
<b>Cộng</b>	<b>6.176.449.759</b>	<b>3.107.565.330</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI MITRACO**

Địa chỉ: Xã Thạch Vĩnh - Huyện Thạch Hà - Tỉnh Hà Tĩnh

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2015

2. Các khoản đầu tư tài chính	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	4.200.000.000	4.200.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Trái phiếu	-	-	-	-
Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.200.000.000</b>	<b>4.200.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>



	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>3. Phải thu của khách hàng</b>		
<b>a Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>445.239.612</b>	<b>740.405.900</b>
Công ty TNHH thực phẩm chế biến Mitraco	315.446.000	315.434.000
Tổng công ty KS & TM Hà Tĩnh - CTCP	-	300.195.400
Các khoản phải thu khách hàng khác	129.793.612	124.776.500
<b>Cộng</b>	<b>445.239.612</b>	<b>740.405.900</b>
<b>b Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>315.446.000</b>	<b>615.629.400</b>
Công ty TNHH thực phẩm chế biến Mitraco	315.446.000	315.434.000
Tổng công ty KS & TM Hà Tĩnh - CTCP	-	300.195.400
<b>4. Trả trước cho người bán</b>		
<b>a Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>4.794.257.079</b>	<b>18.077.373.553</b>
Chi nhánh Cty TNHH DE HEUS tại Hải Phòng	637.764.880	37.232.375
Cty CP Chăn nuôi C.P. Việt Nam-CN Nghệ An	677.324.699	596.311.839
Công ty TNHH Cơ khí Hùng Đồng	-	3.682.354.000
Công ty TNHH XL & TM Quang Phát	-	1.800.000.000
Công ty TNHH ĐT & PT Hạ tầng Mitraco	3.180.000.000	11.634.571.000
Các khoản trả trước cho người bán khác	299.167.500	326.904.339
<b>Cộng</b>	<b>4.794.257.079</b>	<b>18.077.373.553</b>
<b>b Trả trước cho khách hàng là bên liên quan</b>	<b>3.180.000.000</b>	<b>11.634.571.000</b>
Công ty TNHH ĐT & PT Hạ tầng Mitraco	3.180.000.000	11.634.571.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI MITRACO**

Địa chỉ: Xã Thạch Vĩnh - Huyện Thạch Hà - Tỉnh Hà Tĩnh

Thuyết minh Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính  
Kết thúc ngày 31/12/2015

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>5. Phải thu khác</b>				
a Ngắn hạn				
Tạm ứng	1.098.654.530	411.331.992	935.189.492	231.177.746
Phải thu khác	340.898.788	-	230.338.790	-
	757.755.742	411.331.992	704.850.702	231.177.746
b Dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.098.654.530</b>	<b>411.331.992</b>	<b>935.189.492</b>	<b>231.177.746</b>
<b>6. Phải thu về cho vay dài hạn</b>				
HTX chăn nuôi Hoàng Châu	335.009.643	-	635.009.643	-
HTX chăn nuôi & DV Tổng hợp Phú Sơn	864.520.000	-	1.165.770.000	-
Trại chăn nuôi nái Nguyễn Thị Loan	560.088.000	-	800.088.000	-
Trại chăn nuôi nái Nguyễn Việt Thuấn	1.111.715.000	-	1.300.715.000	-
Công ty TNHH Phú Sơn TC	980.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.851.332.643</b>	<b>-</b>	<b>3.901.582.643</b>	<b>-</b>

Khoản phải thu về cho vay dài hạn: là khoản cho vay hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng ban đầu của các đối tác làm trang trại chăn nuôi lợn nái gia công liên kết với công ty, thông qua Hợp đồng tín dụng vay vốn không lãi suất với thời hạn thu hồi vốn trong 4 năm từ khi bên vay phát sinh doanh thu từ chi phí gia công với Công ty và được trừ qua tiền thuê nuôi gia công hàng tháng, với mục tiêu xã hội hóa đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI MITRACO**

Địa chỉ: Xã Thạch Vĩnh - Huyện Thạch Hà - Tỉnh Hà Tĩnh

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2015

7. Nợ xấu	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Trần Xuân Hiền	10.000.000	-	10.000.000	3.000.000
Lê Xuân Bình	81.680.000	-	81.680.000	40.840.000
Lê Đình Dũng	20.610.000	-	20.610.000	10.305.000
Nguyễn Việt Hùng	27.068.492	-	27.068.492	13.534.246
Phan Xuân Hải	56.765.000	-	56.765.000	28.382.500
DN TN Nhật Ký	40.000.000	-	40.000.000	12.000.000
Phạm Văn Đứ	6.922.000	-	6.922.000	4.845.400
Phan Xuân Phong	25.000.000	17.500.000	25.000.000	25.000.000
Bùi Văn Tý	52.738.000	26.369.000	52.728.000	52.728.000
Lưu Như Hữu	25.560.000	12.780.000	25.560.000	25.560.000
Nguyễn Văn Ngọc	15.000.000	10.500.000	15.000.000	15.000.000
Nguyễn Tất Trường	41.887.000	20.943.500	41.887.000	41.887.000
Hoàng Văn Bắc	103.116.000	-	103.116.000	-
Hồ Thị Hiền	30.420.000	-	30.420.000	41.887.000
<b>Cộng</b>	<b>536.766.492</b>	<b>88.092.500</b>	<b>536.756.492</b>	<b>273.082.146</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI MITRACO**

Địa chỉ: Xã Thạch Vĩnh - Huyện Thạch Hà - Tỉnh Hà Tĩnh

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2015

8. Hàng tồn kho	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	6.230.861.621	-	3.830.648.695	-
+ Nguyên liệu, vật liệu chính	3.408.941.776	-	2.754.310.781	-
+ Vật liệu phụ	2.472.339.809	-	790.044.115	-
+ Nhiên liệu	3.663.766	-	2.081.777	-
+ Vật liệu khác	345.916.270	-	284.212.022	-
- Công cụ dụng cụ	121.758.137	-	54.687.259	-
- Chi phí SX, KD dở dang	37.226.922.000	-	24.762.938.000	-
<b>Cộng</b>	<b>43.579.541.758</b>	<b>-</b>	<b>28.648.273.954</b>	<b>-</b>

\* Giá trị của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả:

\* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:

\* Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK:

Nguyên nhân không trích lập dự phòng hàng tồn kho:

Chi phí nguyên vật liệu chính: Là thức ăn gia súc để phục vụ cho chăn nuôi, vật tư này luôn ổn định tại các trang trại chăn nuôi của công ty bình quân 4-5 ngày để cho lợn ăn theo đúng quy trình; chỉ hết khi các trại đã xuất bán hết hàng hóa, sản phẩm.

Chi phí nguyên vật liệu phụ: Là các loại thuốc thú y phòng và chữa bệnh theo quy trình sản xuất; vật tư này luôn được dự trữ tại kho dự phòng số lượng theo định mức sản xuất ổn định cho 20 ngày sử dụng để luôn chủ động phục vụ cho sản xuất.

Chi phí nhiên liệu, vật tư khác và công cụ dụng cụ: các loại vật tư này luôn có dự trữ tại kho để chủ động cho sản xuất kịp thời.

Chi phí sản xuất DD: Là sản phẩm lợn các giai đoạn như: (Lợn con theo mẹ 21 ngày tuổi; Lợn giống 63 ngày tuổi; lợn giống hậu bị và lợn thịt thương phẩm) chưa đủ điều kiện thời gian; tuần tuổi sinh học để xuất sang quy trình SX khác.

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>9. Tài sản dở dang dài hạn</b>				
<b>Xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</b>				
Mua sắm TSCĐ	-	-	20.563.911	20.563.911
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	-	-	-
Xây dựng cơ bản	409.221.001	409.221.001	19.630.035.421	19.630.035.421
<b>Cộng</b>	<b>409.221.001</b>	<b>409.221.001</b>	<b>19.650.599.332</b>	<b>19.650.599.332</b>

Trong năm các hạng mục đầu tư tại dự án " Trung tâm sản xuất lợn giống chất lượng cao" giai đoạn 1 Tại xã Kỳ Phong, huyện Kỳ Anh đã hoàn thành đưa vào sử dụng, chi phí XDCCB dở dang được tập hợp được phân bổ vào giá trị cấu thành tài sản để theo dõi và khấu hao theo luật định.

Số dư còn lại cuối năm là chi phí được tập hợp theo dõi chờ phân bổ của giai đoạn 2 tại dự án " Trung tâm sản xuất lợn giống chất lượng cao" xã Kỳ Phong, huyện Kỳ Anh

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẤN NUÔI MITRACO**

Địa chỉ: Xã Thạch Vĩnh - Huyện Thạch Hà - Tỉnh Hà Tĩnh

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2015

**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Vườn cây lâu năm, súc vật	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	16.058.089.062	1.003.160.668	1.954.249.243	2.687.941.907	21.703.440.880
- Mua trong năm	-	266.718.995	-	-	266.718.995
- XDCB hoàn thành	39.449.079.920	2.420.216.000	-	-	41.869.295.920
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(125.148.548)	(1.209.095.314)	(1.334.243.862)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	55.507.168.982	3.690.095.663	1.829.100.695	1.478.846.593	62.505.211.933
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6.307.090.077	601.506.268	1.010.329.921	2.584.901.852	10.503.828.118
- Khấu hao trong năm	4.007.717.818	371.996.304	259.515.444	94.122.846	4.733.352.412
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(125.148.548)	(1.200.178.107)	(1.325.326.655)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	10.314.807.895	973.502.572	1.144.696.817	1.478.846.591	13.911.853.875
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
- Tại ngày đầu năm	9.750.998.985	401.654.400	943.919.322	103.040.055	11.199.612.762
- Tại ngày cuối năm	45.192.361.087	2.716.593.091	684.403.878	2	48.593.358.058

**\* TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết**

nhưng vẫn còn sử dụng

Nguyên giá TSCĐ hữu hình	1.127.599.133	53.985.939	1.478.846.595	3.216.740.335
Giá trị đã khấu hao	1.127.599.133	53.985.939	1.478.846.595	3.216.740.335

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

11. Chi phí trả trước	Cuối năm	Đầu năm
<b>a Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>465.915.418</b>	<b>141.805.942</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	465.915.418	141.805.942
<b>b Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>24.798.986.482</b>	<b>14.074.311.698</b>
Chi phí trả trước dài hạn	24.798.986.482	14.074.311.698
<b>Cộng</b>	<b>25.264.901.900</b>	<b>14.216.117.640</b>

Chi phí trả trước dài hạn là loại súc vật nuôi lâu năm cho ra sản phẩm như ( Lợn giống cấp Ông bà; bố mẹ); tài sản, công cụ dụng cụ: có giá trị nhỏ hơn 30.000.000 đồng, có thời gian sử dụng trên 1 kỳ kế toán, nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI MITRACO**

Địa chỉ: Xã Thạch Vĩnh - Huyện Thạch Hà - Tỉnh Hà Tĩnh

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính:

Kết thúc ngày 31/12/2015

**12. Phải trả người bán**

Các khoản phải trả người bán ngắn hạn

**a Phải trả người bán ngắn hạn**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	Cty CP Thức ăn chăn nuôi Thiên Lộc	10.815.777.781	10.815.777.781	8.245.847.392
Phải trả cho các đối tượng khác	504.182.950	504.182.950	655.937.810	655.937.810
<b>Cộng</b>	<b>11.319.960.731</b>	<b>11.319.960.731</b>	<b>8.901.785.202</b>	<b>8.901.785.202</b>

**b Phải trả người bán là các bên liên quan**

Cty CP Thức ăn chăn nuôi Thiên Lộc

	10.815.777.781	10.815.777.781	8.245.847.392	8.245.847.392
	10.815.777.781	10.815.777.781	8.245.847.392	8.245.847.392



**13. Người mua trả tiền trước**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Nguyễn Thị Nhi	5.598.205.392	1.393.198.092
Nguyễn Thị Đức	1.027.562.128	-
Phạm Đình Quân	92.041.500	-
Trần Hậu Ngân	207.125.717	164.931.000
Khách lẻ	11.909.258	800.000
<b>Cộng</b>	<b>6.936.843.995</b>	<b>1.558.929.092</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI MITRACO**

Địa chỉ: Xã Thạch Vĩnh - Huyện Thạch Hà - Tỉnh Hà Tĩnh

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2015

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
<b>a Phải nộp</b>				
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	905.454	5.313.174	6.119.537	99.091
Thuế Thu nhập cá nhân	3.548.000	35.830.550	28.851.000	10.527.550
Thuế thu nhập doanh nghiệp	261.920.848	1.455.724.600	1.443.983.139	273.662.309
Thuế tài nguyên và phí môi trường	7.038.375	2.997.000	9.583.125	452.250
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.784.000	17.550.000	5.980.000	16.354.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	34.475.661	34.475.661	-
Các loại thuế khác	141	5.519.141	5.519.141	141
<b>b Phải thu</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>278.196.818</b>	<b>1.557.410.126</b>	<b>1.534.511.603</b>	<b>301.095.341</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI MITRACO**

Địa chỉ: Xã Thạch Vĩnh - Huyện Thạch Hà - Tỉnh Hà Tĩnh

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2015

**15. Phải trả khác**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>a. Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>4.035.835.684</b>	<b>3.300.978.256</b>
Kinh phí công đoàn	-	37.181.000
Bảo hiểm xã hội	4.742.347	92.915.801
Sở tài chính UBND tỉnh Hà Tĩnh	3.000.000.000	3.000.000.000
Các khoản phải trả khác	1.028.993.337	156.481.455
Tổng công ty KS & TM Hà Tĩnh - CTCP	2.100.000	14.400.000
<b>Cộng</b>	<b>4.035.835.684</b>	<b>3.300.978.256</b>
<b>b. Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan</b>	<b>2.100.000</b>	<b>14.400.000</b>
Tổng công ty KS & TM Hà Tĩnh - CTCP	2.100.000	14.400.000

Khoản phải trả cho Sở tài chính là khoản được UBND tỉnh Hà Tĩnh cho tạm ứng trước chi phí hỗ trợ đầu tư phát triển mới vì ngành nghề Nông nghiệp nông thôn mới của Tỉnh theo Nghị quyết 90/2014/NQ-HDND và quyết định số 67/2014/QĐ-UBND của tỉnh Hà Tĩnh tại dự án đầu tư xây dựng " trung tâm sản xuất lợn giống chất lượng cao Mitraco" tại xã Kỳ Phong, huyện Kỳ Anh thuộc dự án của công ty. Khi tổng thể dự án hoàn thành đi vào hoạt động và có kết quả của đoàn nghiệm thu liên ngành của tỉnh về việc thực hiện vốn Ngân sách Nhà nước cấp hỗ trợ đầu tư trong tháng 12 năm tài chính ( tháng 12/2016), khoản tạm ứng trước sẽ được trừ vào chi phí hỗ trợ của tỉnh của dự án.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI MITRACO**

Địa chỉ: Xã Thạch Vĩnh - Huyện Thạch Hà - Tỉnh Hà Tĩnh

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2015

**16. Vay và nợ thuê tài chính**

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a Vay ngắn hạn	15.180.000.000	15.180.000.000	33.380.000.000	26.200.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
Ngân hàng Ngoại Thương - CN Hà Tĩnh	15.180.000.000	15.180.000.000	33.380.000.000	26.200.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>15.180.000.000</b>	<b>15.180.000.000</b>	<b>33.380.000.000</b>	<b>26.200.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>

- Hợp đồng tín dụng số 12/2682 được ký ngày 11/12/2015 vay số tiền 4.200.000.000 đồng với thời hạn vay là 5 tháng kể từ ngày rút vốn vay và được ghi trên giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân theo thông báo lãi suất của bên cho vay trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay để trả tiền thi công xây dựng bổ sung hệ thống chuồng chan nuôi, thuộc dự án: Trung tâm sản xuất lợn giống chất lượng cao Mitraco (giai đoạn 2) tại xã Kỳ Phong, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Hợp đồng tín dụng số 15/2575/VCB.Hti được ký ngày 18 tháng 05 năm 2015 vay với số tiền 12.000.000.000 đồng với thời hạn vay là 5 tháng. Lãi suất cho vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh tại thời điểm rút vốn và có định tính cho từng giấy nhận nợ. Mục đích vay vốn để thanh toán tiền mua thức ăn chăn nuôi, chi phí phục vụ chăn nuôi lợn.

**b Vay dài hạn**

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	40014213620	40.014.213.620	12.417.863.589	2.860.000.000	30.456.350.031	30.456.350.031
NH Ngoại thương - CN Hà Tĩnh	36.314.213.620	36.314.213.620	12.417.863.589	1.860.000.000	25.756.350.031	25.756.350.031
Tổng cộng khoản sản và thương mại Hà Tĩnh - CTCP	3.700.000.000	3.700.000.000	-	1.000.000.000	4.700.000.000	4.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>40.014.213.620</b>	<b>40.014.213.620</b>	<b>12.417.863.589</b>	<b>2.860.000.000</b>	<b>30.456.350.031</b>	<b>30.456.350.031</b>

- Hợp đồng tín dụng số HĐ 14/2680/VCB.Hti ngày 28 tháng 09 năm 2014 với số tiền vay 40.000.000.000 đồng với thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh từng thời kỳ. Mục đích vay vốn để đầu tư xây dựng trung tâm sản xuất lợn giống Mitraco - giai đoạn I tại xã Kỳ Phong, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Công ty cổ phần Chăn nuôi Mitraco vay của Tổng công ty khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh - CTCP để đầu tư liên doanh liên kết các trại nái gia công đầu tư xã. Dự kiến cơ bản mới theo trường trình phát triển nông nghiệp nông thôn của tỉnh Hà Tĩnh. Thời hạn thu hồi vốn trong 4 năm từ khi bên vay phát sinh doanh thu từ chi phí gia công với Công ty và được trừ qua tiền thuế nuôi gia công hàng tháng, với mục tiêu xã hội hóa đầu tư, lãi suất vay 0%.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẤM NUÔI MITRACO**

Địa chỉ: Xã Thạch Vĩnh - Huyện Thạch Hà - Tỉnh Hà Tĩnh

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2015

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU  
A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>1. Số dư đầu năm trước</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>2.488.704.272</b>	<b>2.408.449.646</b>	<b>7.436.381.540</b>	<b>47.333.535.458</b>
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	10.354.848.901	10.354.848.901
- Tăng khác	-	870.924.540	743.638.000	-	1.614.562.540
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	(7.436.381.540)	(7.436.381.540)
<b>2. Số dư cuối năm trước</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>3.359.628.812</b>	<b>3.152.087.646</b>	<b>10.354.848.901</b>	<b>51.866.565.359</b>
<b>3. Số dư đầu năm nay</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>3.359.628.812</b>	<b>3.152.087.646</b>	<b>10.354.848.901</b>	<b>51.866.565.359</b>
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	12.548.994.897	12.548.994.897
- Tăng khác (*)	-	5.689.194.102	-	-	5.689.194.102
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-
- Giảm khác (*)	-	-	(3.152.087.646)	(10.354.848.901)	(13.506.936.547)
<b>4. Số dư cuối năm nay</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>9.048.822.914</b>	<b>-</b>	<b>12.548.994.897</b>	<b>56.597.817.811</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

<b>B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Tổng công ty khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh - CTCP	20.510.000.000	20.510.000.000
Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam	12.600.000.000	12.600.000.000
Cổ đông khác	1.890.000.000	1.890.000.000
<b>Cộng</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>35.000.000.000</b>

**C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>35.000.000.000</b>
Vốn góp đầu năm	35.000.000.000	35.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm (*)	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	35.000.000.000	35.000.000.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	7.000.000.000	5.250.000.000

<b>D. Cổ phiếu</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	3.500.000	3.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.500.000	3.500.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.500.000	3.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.500.000	3.500.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

<b>Đ. Các quỹ doanh nghiệp</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Quỹ đầu tư phát triển	9.048.822.914	3.359.628.812
Quỹ Khen thưởng phúc lợi	321.212.803	177.438.358
Quỹ dự phòng tài chính	-	3.152.087.646
<b>Cộng</b>	<b>9.370.035.717</b>	<b>6.689.154.816</b>

**\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ:**

Quỹ Đầu tư phát triển trích lập trong năm 2015 lấy từ lợi nhuận sau thuế năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Chăn nuôi Mitraco, phù hợp với các quy định tại Điều lệ Công ty.

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh (ĐVT: đồng)**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI MITRACO**

Địa chỉ: Xã Thạch Vĩnh - Huyện Thạch Hà - Tỉnh Hà Tĩnh

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2015

	Năm nay	Năm trước
<b>1. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
+ Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	244.287.773.420	216.337.852.700
<b>Cộng</b>	<b>244.287.773.420</b>	<b>216.337.852.700</b>
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
+ Chiết khấu thương mại	616.450.000	306.908.500
<b>Cộng</b>	<b>616.450.000</b>	<b>306.908.500</b>
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>243.671.323.420</b>	<b>216.030.944.200</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn hàng hóa bán, thành phẩm	220.918.633.807	197.801.717.573
<b>Cộng</b>	<b>220.918.633.807</b>	<b>197.801.717.573</b>
<b>5. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	256.165.328	260.430.858
<b>Cộng</b>	<b>256.165.328</b>	<b>260.430.858</b>
<b>6. Chi phí hoạt động tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	2.104.765.879	426.092.784
Chi phí tài chính khác	10.346.336	-
<b>Cộng</b>	<b>2.115.112.215</b>	<b>426.092.784</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
Thu từ thanh lý TSCĐ	604.621.611	507.236.316
Thu nguồn hỗ trợ đầu tư liên kết	1.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.604.621.611</b>	<b>507.236.316</b>
<b>8. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
<b>a Chi phí bán hàng</b>	<b>1.344.218.048</b>	<b>1.022.007.207</b>
Chi phí nhân viên	27.030.000	49.930.000
Chi phí vật liệu, bao bì	440.000	7.400.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI MITRACO**

Địa chỉ: Xã Thạch Vĩnh - Huyện Thạch Hà - Tỉnh Hà Tĩnh

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2015

Chi phí dụng cụ đồ dùng	22.616.663	5.938.719
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.746.385	15.775.788
Chi phí dịch vụ mua ngoài	595.830.000	552.434.700
Chi phí bằng tiền khác	693.555.000	390.528.000
<b>b Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>7.149.426.792</b>	<b>5.955.294.557</b>
Chi phí nhân viên quản lý	3.520.894.250	2.237.334.545
Chi phí vật liệu quản lý	292.021.000	316.987.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	436.447.369	529.718.134
Chi phí khấu hao TSCĐ	186.890.253	191.455.581
Thuế, phí và lệ phí	84.692.774	49.416.633
Chi phí dự phòng	184.999.646	218.933.189
Chi phí dịch vụ mua ngoài	556.259.500	586.701.100
Chi phí bằng tiền khác	1.887.222.000	1.824.748.375
<b>Cộng</b>	<b>8.493.644.840</b>	<b>6.977.301.764</b>

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	193.221.261.055	171.054.841.066
Chi phí nhân công	9.678.145.575	6.017.993.181
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.733.352.412	2.571.657.418
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.472.366.252	16.876.929.147
Chi phí khác bằng tiền	2.836.044.256	2.556.574.375
<b>Cộng</b>	<b>231.941.169.550</b>	<b>199.077.995.187</b>

10. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	Năm nay	Năm trước
- Tổng thu nhập chịu thuế	14.557.245.997	11.976.614.253
Thu nhập chịu thuế suất 10%	14.557.245.997	11.635.039.863
Thu nhập chịu thuế suất 22%	-	341.574.390
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.455.724.600	1.238.650.352
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.455.724.600	1.238.650.352

**VII. Những thông tin khác****1 Thông tin về các bên liên quan**

Giao dịch phát sinh với các bên liên quan	Quan hệ với Công ty	Số tiền
---	---------------------	---------

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



<b>- Mua hàng hóa dịch vụ</b>		
<b>Phát sinh có TK 331</b>		
Công ty TNHH ĐTXD&PT Hạ tầng MITRACO	Cùng hệ thống (Công ty con của TCT KS & TM Hà Tĩnh)	18.692.212.000
Cty CP Thức ăn chăn nuôi Thiên Lộc	Cùng hệ thống (Công ty con của TCT KS & TM Hà Tĩnh)	94.275.763.500
Công ty CP Cơ khí và xây lắp Mitraco	Cùng hệ thống (Công ty con của TCT KS & TM Hà Tĩnh)	90.840.000
<b>Phát sinh có TK 338</b>		
Tổng công ty KS & TM Hà Tĩnh - CTCP	Công ty mẹ	2.100.000
<b>- Bán hàng hóa dịch vụ</b>		
<b>Phát sinh nợ TK 131</b>		
Cty CP Thức ăn chăn nuôi Thiên Lộc	Cùng hệ thống (Công ty con của TCT KS & TM Hà Tĩnh)	120.000.000
Công ty TNHH thực phẩm chế biến Mitraco	Cùng hệ thống (Công ty con của TCT KS & TM Hà Tĩnh)	237.264.000

**2 Những sự kiện phát sinh sau ngày khoá sổ**

Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, có phát sinh tăng vốn điều lệ của Doanh nghiệp từ 35 tỷ lên 40 tỷ, nên tỷ lệ nắm giữ cổ phần của các cổ đông chiến lược cũng thay đổi, đã ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

<b>a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>30/09/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
Tổng công ty khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh - CTCP	20.510.000.000	20.510.000.000
Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam	12.600.000.000	12.600.000.000
Cổ đông khác	6.890.000.000	1.890.000.000
<b>Cộng</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>35.000.000.000</b>
<b>b. Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016</b>	<b>Năm 2015</b>
Vốn góp đầu năm	35.000.000.000	35.000.000.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Vốn góp tăng trong năm (*)	5.000.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại thời điểm 30/09/2016	40.000.000.000	35.000.000.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia tại thời điểm 30/09/2016	9.800.000.000	7.000.000.000

**3 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.

**4 Thông tin về hoạt động liên tục**

Ban Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo.

**5 Những thông tin khác**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**6 Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản**

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
<b>1 Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn</b>		
<b>1.1 Bố trí cơ cấu tài sản (%)</b>		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	56,28%	45,97%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	43,72%	54,03%
<b>1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)</b>		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	58,98%	51,17%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	41,02%	48,83%
<b>2 Khả năng thanh toán</b>		
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	1,70	1,95
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	1,46	2,40
2.3. Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,15	0,13
<b>3 Tỷ suất sinh lời</b>		
<b>3.1 Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần (%)</b>		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	5,75%	5,37%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	5,15%	4,79%
<b>3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)</b>		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	11,47%	10,92%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	10,28%	9,75%

Phụ trách kế toán

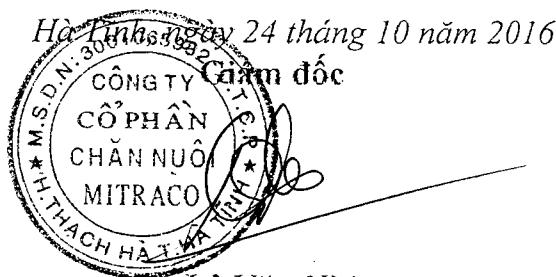


Nguyễn Văn Hòa

P.ĐD tài chính



Phan Thanh Nam



Lê Văn Nhị

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

## PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số trước điều chỉnh	Số điều chỉnh	Lý do
<b>I</b>	<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
1	Phải thu ngắn hạn khác	136	8.978.311.386	1.098.654.530	Hạch toán lại khoản Phải thu ngắn hạn khác và phân loại thành nợ phải thu về cho vay dài hạn.
2	Phải thu về cho vay dài hạn	215		3.851.332.643	
	<b>Tổng Tài sản</b>	<b>270</b>	<b>141.992.606.561</b>	<b>137.964.282.348</b>	
3	Phải trả người bán	311	15.421.960.731	11.319.960.731	Hạch toán lại khoản phải trả người bán
4	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	299.734.091	301.095.341	Hạch toán lại chi phí quản lý doanh nghiệp
5	Phải trả ngắn hạn khác	319	3.962.159.897	4.035.835.684	Hạch toán lại khoản phải trả ngắn hạn khác
6	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	12.550.356.147	12.548.994.897	
	<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>440</b>	<b>141.992.606.561</b>	<b>137.964.282.348</b>	
<b>II</b>	<b>Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
1	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7.097.426.792	7.149.426.792	
2	Thu nhập khác	31	1.613.538.818	1.604.621.611	Hạch toán lại chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác và chi phí khác
3	Chi phí khác	32	8.917.207		
4	Lợi nhuận kế toán trước thuế	50	14.056.719.497	14.004.719.497	
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	12.600.994.897	12.548.994.897	
<b>III</b>	<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>				
1	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	2	(186.616.191.053)	(216.852.210.902)	
2	Tiền chi trả lãi vay	4	(3.922.846.633)	(3.948.989.587)	
3	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	5.458.464.282	4.408.214.282	
4	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(9.869.771.235)	(18.078.857.499)	
5	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(81.416.846)	(11.382.704.846)	
6	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		613.538.818	Do việc phân loại dòng tiền chưa chính xác theo từng chi tiêu, khoản mục trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
7	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.200.000.000)	(5.200.000.000)	
8	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.213.993.720	7.050.250.000	
9	Tiền thu từ đi vay	33	4.260.555.740	45.797.863.589	
10	Tiền trả nợ gốc vay	34	(29.075.796.618)	(29.060.000.000)	
11	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.219.432.600)	(7.000.000.000)	
<b>IV</b>	<b>Bổ sung, điều chỉnh một số thuyết minh</b>				<b>Theo quy định</b>

